

Bản án số 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/07/2021

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn giữa chị H và
anh T*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Cường

2. Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 462/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *NgQ đơn:* Chị Hồ Kim H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, ngQ đơn chị Hồ Kim H trình bày: Được sự đồng ý của hai gia đình, năm 1997 chị kết hôn với anh Phạm Văn T. Trước khi kết hôn chị và anh T có được tự nguyện tìm Y, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Sau đám cưới chị về nhà anh T làm dâu ngay. Khoảng hơn một tháng sau thì bố mẹ chồng chị cho hai vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. NgQ nhân mâu thuẫn do anh T không chịu lao động, thường xQ uống rượu, say xỉn, nhiều

lần anh T chửi bới, đánh đập chị, đập vỡ điện thoại của chị. Vì các con và gia đình hai bên động viên khQ giải, đã nhiều lần chị tha thứ cho anh, nhưng anh T vẫn không thay đổi, mà còn xúc phạm chị nhiều hơn. Chị và anh T đã sống ly thân từ ngày 01/08/2020. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T sinh được hai con chung là Phạm Minh Q, sinh năm 1998 và Phạm Minh Y, sinh ngày 27/10/2003. Cháu Phạm Thị Q đã lập ra đình riêng, cháu Y chưa đủ 18 tuổi, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh T tạo dựng, phát triển được khối tài sản chung gồm: 702m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001. Trên đất có 01 căn nhà ở diện tích 02 tầng diện tích 132,6m². Chị đồng ý để anh T quản lý, sử dụng 702m² đất và toàn bộ tài sản trên đất, nhưng anh T phải trích chia trả chị ½ giá trị tài sản bằng tiền. Các tài sản trên các con của chị không có công sức đóng góp gì. Đối với những tài sản khác chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Năm 1997 anh kết hôn với chị Hồ Kim H. Trước khi kết hôn anh và chị H có được tự nguyện tìm Y, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Sau đám cưới chị H về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống cùng gia đình được 01 tháng thì ra ăn ở riêng. Quá trình chung sống đến nay vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra cãi nhau. Ngày 13/6/2020 âm lịch vợ chồng anh có xảy ra đánh nhau. Sau đó chị H đã tự ý dẫn theo con về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó anh và chị H sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. NgQ nhân là do anh và chị H bất đồng về quan điểm sống, cả hai bên cùng nóng tính. Mặc dù vậy, anh vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị H kiên quyết ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Anh hoàn toàn đồng ý với ý kiến của chị H.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị H có khối tài sản chung như chị H trình bày là đúng. Nhưng chị H đòi chia mỗi người ½ giá trị tài sản anh không đồng ý, anh đề nghị được chia nhiều hơn. Vì diện tích 702m² đất tại xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang do Ủy ban nhân huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/7/2001 là của bố mẹ đẻ anh cho vợ chồng anh ra ở riêng. Toàn bộ tài sản trên các con anh không có công sức đóng góp gì. Anh có nguyện vọng được quản lý, sử dụng thửa đất, sở hữu nhà ở trên đất và toàn bộ tài sản, cây cối trên đất. Anh sẽ trích trả chị H giá trị tài sản chị H

được hưởng bằng tiền.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bà Bùi Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H, bà không có ý kiến gì. Năm 1970, bố mẹ đẻ bà bán cho bà thửa đất diện tích 702m², năm 1974 bà kết hôn với ông Phạm Văn Sách, sinh năm 1940. Năm 1997, con trai bà là anh Phạm Văn T kết hôn với chị Hồ Kim H. Sau khi anh T, chị H kết hôn chung sống với nhau được 12 ngày thì vợ chồng bà (Sách+M) cho vợ chồng anh T, chị H thửa đất trên và xây cho ngôi nhà 03 gian cấp 4 để vợ chồng anh T, chị H ra ăn ở riêng. Ngày 24/7/2001 thửa đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Văn T thôn S, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; số 618744; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03096 QSDĐ/QĐSỐ 458QĐ-CT(H). Năm 2008, vợ chồng anh T, chị H đã phá bỏ nhà 03 gian cấp 4 để xây nhà trần và một số công trình phụ như hiện nay. Năm 2004, ông Phạm Văn Sách chồng bà qua đời. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T, chị H, bà không có ý kiến gì. Do nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ bà (tức là ông bà ngoại của anh T) để cho vợ chồng bà và vợ chồng bà cho vợ chồng anh T, chị H, nên nay anh T, chị H ly hôn, bà yêu cầu anh T, chị H phải trả bà thửa đất trên và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh T. Nhưng nay, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà chỉ đề nghị Tòa án chia tài sản cho con trai bà là anh T được phần nhiều hơn. Ngoài ra, bà không còn ý kiến gì khác.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Kim H và anh Phạm Văn T.

+ Về con chung: Giao cho chị H nuôi cháu Y. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chia cho anh Phạm Văn T được hưởng 60% giá trị thửa đất; đối với ngôi nhà trên đất chia cho chị H, anh T mỗi người ½ giá trị. Giao cho anh T quản lý, sử dụng thửa đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

+ Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Kim H kết hôn với anh Phạm Văn T trên cơ sở tự nguyện tìm Y, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 08/03/1997, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xQ xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, có lần còn xảy ra xô xát. NgQ nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không thông cảm chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Từ tháng 8/2020, chị H và anh T sống ly thân, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay Chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án cho anh chị được thuận tình ly hôn. Yêu cầu của chị H, anh T phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Hồ Kim H và anh Phạm Văn T sinh được 02 có con chung là Phạm Thị Uyê, sinh năm 1998 và Phạm Minh Y, sinh ngày 27/10/2003. Cháu phạm Thị Q đã lập gia đình riêng nên không đặt ra xem xét. Cháu Phạm Minh Y chưa đủ 18 tuổi, ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi. Nguyện vọng của chị H cũng là nguyện vọng của cháu Y, anh T đồng ý, nên giao cháu Y cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu nên cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Hồ Kim H và anh Phạm Văn T tạo dựng và phát triển được khối tài sản chung gồm: 702m² đất (trong đó 360m² đất ở, 342m² đất vườn), tại thôn S, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; số 618744; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03096 QSDĐ/QĐSO 458QĐ-CT(H) do Ủy ban nhân huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/7/2001, trị giá 382.320.000đ (trong đó đất ở có giá trị là 720.000đ/m² x 360m² = 259.200.000đ; đất vườn 360.000đ/m² x 342m² = 123.120.000đ); 01 nhà cấp 03 loại 02, diện tích 132,6m² trên đất, trị giá 277.134.000đ. Tổng giá trị nhà và đất là 659.454.000đ (Sáu trăm năm mươi chín triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn đồng). Các tài sản, cây cối trên đất và các tài sản khác các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Xét công sức đóng góp vào việc tạo dựng khối tài sản chung:

[4.1]. Đối với thửa đất có diện tích 702m² có nguồn gốc do bố mẹ anh Phạm Văn T cho hai vợ chồng từ năm 1998 nên cần chia cho anh T 60% giá trị của thửa đất = 229.392.000đ, chị H được chia 40% giá trị của thửa đất = 152.928.000đ .

[4.2]. Đối với 01 nhà cấp 03 loại 02, diện tích 132,6m² trên đất trị giá 277.134.000đ do chị H và anh T xây dựng, nên có công sức đóng góp ngang nhau; chị H và anh T đều có lỗi như nhau trong việc dẫn đến hai bên phải ly hôn nên chia cho mỗi người được $\frac{1}{2}$ giá trị của ngôi nhà. Cụ thể chị H, anh T mỗi người được chia 138.567.000đ.

[5]. Về việc phân chia tài sản: Các đương sự thỏa thuận Tòa án giao cho ai quản lý, sử dụng thửa đất 702m² thì giao cho người đó sở nhà ở và toàn bộ các tài sản trên đất. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ anh T cho anh T, chị H ra ở riêng từ năm 1998 nên giao cho anh Phạm Văn T quản lý, sử dụng và sở hữu 01 nhà cấp 03 loại 02, diện tích 132,6m² cùng toàn bộ các tài sản trên đất là phù hợp.

Anh Phạm Văn T phải trích chia cho chị Hồ Kim H tổng giá trị tài sản chênh lệch là 291.495.000đ.

[6]. Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7]. Tại biên bản lấy lời khai, bà Bùi Thị M yêu cầu anh T, chị H trả lại bà thửa đất diện tích 702m² tại thôn S, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; số 618744; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03096 QSDĐ/QĐSỐ 458QĐ-CT(H) do Ủy ban nhân huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/7/2001 và bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận trên. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà M đã được giải thích đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bà M không yêu cầu anh T, chị H trả lại đất và không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nữa nên không đặt ra xem xét, bà M chỉ đề nghị Tòa án xem xét chia cho con trai bà là anh Phạm Văn T được phần tài sản nhiều hơn.

[8]. Về chi phí tố tụng: Quá trình tố tụng chị Hồ Kim H đã nộp 7.000.000đ tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Toàn bộ số tiền trên đã được chi phí hết. Chị H và anh T thỏa thuận mỗi người phải chịu ½ số tiền trên. Vì vậy, buộc anh Phạm Văn T phải hoàn trả chị Hồ Kim H 3.500.000đ.

[9]. Về án phí: Chị Hồ Kim H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 14.574.700đ án phí dân sự sơ thẩm, trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 14.000.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0005097 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, chị H còn phải chịu 874.700đ tiền án phí. Anh Phạm Văn T phải chịu 18.397.900đ án phí dân sự sơ thẩm.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Kim H và anh Phạm Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Hồ Kim H nuôi con là Phạm Minh Y, sinh ngày 27/10/2003. Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung*: Giao cho anh Phạm Văn T quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 702m² (trong đó 360m² đất ở, 342m² đất vườn) tại thôn S, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; số 618744; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03096 QSDĐ/QĐSỐ 458QĐ-CT(H) do Ủy ban nhân huyện Lục

Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/7/2001 mang tên hộ ông Phạm Văn T; anh Phạm Văn T được sở hữu 01 ngôi nhà cấp 03 loại 02 diện tích 132,6m² cùng toàn bộ các tài sản, cây cối, hoa màu trên đất. Tổng giá trị tài sản anh T được chia là 367.959.000đ (ba trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Anh Phạm Văn T phải trích chia trả chị Hồ Kim H số tiền là 291.495.000đ (hai trăm chín mươi một triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn đồng).

4. *Về chi phí tố tụng*: Chị Hồ Kim H phải chịu 3.500.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nhưng được trừ vào số tiền 7.000.000đ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị H đã nộp; buộc anh Phạm Văn T phải thanh toán trả chị Hồ Kim H 3.500.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong T hợp quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. *Về án phí*: Chị Hồ Kim H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 14.574.700đ án phí dân sự sơ thẩm, trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 14.000.000đ theo biên lai số AA/2017/0005097 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, chị H còn phải chịu 874.700đ tiền án phí. Anh Phạm Văn T phải chịu 18.397.900đ án phí dân sự sơ thẩm

6. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tQ án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân